

Số: 20 /2025/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BCT ngày 15/8/2024 của Bộ Công Thương quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp, cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 337/TTr-SCT ngày 04/3/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06/4/2025 và thay thế Quyết định số 17/2022/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã; các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận: *Thư*

- Như điều 3;
- Bộ Công Thương (b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản QPPL);
- TTTU; TT HĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh (b/c);
- Chủ tịch; các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các Đoàn thể tỉnh;
- Viện KSNĐ tỉnh, TAND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: các CVNC, các phòng, đơn vị trực thuộc, LĐVP;
- Lưu: VT, XDCCB.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đào Quang Khải





**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 20/2025/QĐ-UBND ngày 25/3/2025
của UBND tỉnh Bắc Ninh)*

Chương I.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, phương thức, nội dung và trách nhiệm phối hợp của các Sở, ban, ngành (sau đây gọi chung là các sở, ngành), Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là UBND cấp huyện), chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện quản lý đối với cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Các hoạt động khác có liên quan đến công tác quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp không quy định trong Quy chế này, được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành. Trường hợp văn bản pháp luật ban hành mới có quy định về nội dung quản lý cụm công nghiệp khác với quy định này, thì thực hiện theo văn bản pháp luật đó.

3. Đối tượng áp dụng

a) Các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

b) Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

c) Các Sở, ngành, UBND cấp huyện và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác quản lý cụm công nghiệp.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý và phương thức phối hợp

1. Nguyên tắc quản lý:

a) Thiết lập mối quan hệ chặt chẽ và phân công trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị và UBND cấp huyện để nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

b) Việc phối hợp quản lý dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, UBND cấp huyện nhằm đảm bảo sự thống nhất, tạo điều kiện

thuận lợi cho các nhà đầu tư trong quá trình đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp nhưng không làm giảm vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền và không cản trở công việc của mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Sở Công Thương là cơ quan giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về cụm công nghiệp trên địa bàn theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp (sau đây viết tắt là Nghị định số 32/2024/NĐ-CP);

d) Các Sở, ngành, UBND cấp huyện khi triển khai các nhiệm vụ chuyên môn tại các cụm công nghiệp có trách nhiệm phối hợp, lấy ý kiến tham gia của Sở Công Thương và gửi kết quả xử lý đến Sở Công Thương, đảm bảo thống nhất trong hoạt động quản lý nhà nước về cụm công nghiệp.

đ) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh triển khai dự án sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp phải chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, đồng thời tuân thủ nguyên tắc quản lý nhà nước trong cụm công nghiệp theo Quy chế này.

2. Phương thức phối hợp quản lý:

Quá trình thực hiện các nội dung phối hợp do một cơ quan chủ trì và một hoặc nhiều cơ quan khác tham gia phối hợp giải quyết công việc. Căn cứ vào tính chất, nội dung của công tác quản lý nhà nước, cơ quan chủ trì quyết định áp dụng các phương thức phối hợp sau:

a) Tổ chức làm việc tập trung thông qua các cuộc họp trực tiếp để các bên tham gia thảo luận và ghi nhận kết quả làm việc bằng biên bản hoặc thông báo kết luận;

b) Cơ quan chủ trì gửi văn bản xin ý kiến kèm theo hồ sơ, tài liệu liên quan để cơ quan phối hợp nghiên cứu có ý kiến về công việc cần phối hợp. Cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, thời gian trả lời theo từng công việc cụ thể, đảm bảo theo quy định. Nếu quá thời hạn trả lời, cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm đôn đốc các cơ quan phối hợp trả lời về nội dung công việc;

c) Thành lập đoàn thanh tra, kiểm tra, rà soát liên ngành gồm thành viên của các cơ quan liên quan để triển khai nội dung công việc theo kế hoạch được duyệt;

d) Tổ chức gặp gỡ, đối thoại với tổ chức đầu tư sản xuất, kinh doanh trong các cụm công nghiệp để trao đổi, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc ở các lĩnh vực có liên quan như: Đầu tư kinh doanh, lao động, đất đai, môi trường, xây dựng và các vấn đề liên quan khác;

đ) Cơ quan phối hợp cung cấp thông tin chuyên ngành về cụm công nghiệp đến cơ quan chủ trì để theo dõi;

e) Cơ quan chủ trì có thể phối hợp các hình thức giải quyết trên để đạt hiệu quả cao nhất trong công việc.

g) Căn cứ vào kế hoạch, chương trình hoạt động liên quan đến công tác quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp do các cơ quan quản lý chuyên ngành lập hoặc được giao hàng năm, cơ quan quản lý chuyên ngành thông báo nội dung đề Sở Công Thương tổng hợp làm cơ sở bố trí phối hợp quản lý. Đối với các chương trình công tác đột xuất, các cơ quan chuyên ngành thông báo với Sở Công Thương, UBND cấp huyện để phối hợp thực hiện.

h) Các quyết định, văn bản, hướng dẫn, kết quả xử lý, kết luận, kiến nghị liên quan đến quản lý và hoạt động của cụm công nghiệp thì cơ quan chủ trì gửi Sở Công Thương 01 (một) bản để tổng hợp, theo dõi.

Chương II.

NỘI DUNG QUẢN LÝ CỤM CÔNG NGHIỆP VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

Điều 3. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách về cụm công nghiệp

1. Sở Công Thương:

a) Xây dựng, trình và tổ chức thực hiện phương án phát triển cụm công nghiệp, Quy chế quản lý cụm công nghiệp, chính sách hỗ trợ đầu tư, phát triển cụm công nghiệp, kế hoạch và dự toán kinh phí hoạt động phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn;

b) Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, điều chỉnh, bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; rút khỏi quy hoạch để chuyển đổi cụm công nghiệp sang mục đích khác;

c) Tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành thường xuyên Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định;

d) Tham gia ý kiến các hồ sơ, thủ tục liên quan đến triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (gồm: Thu hồi đất, cho thuê đất, phê duyệt quy hoạch chi tiết, thiết kế cơ sở dự án đầu tư, phê duyệt các thủ tục môi trường, chấp thuận phương án phòng cháy, chữa cháy...) theo quy định của pháp luật;

đ) Lập danh mục dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy hoạch và phương án phát triển cụm công nghiệp được phê duyệt, gửi Sở Tài chính tổng hợp vào danh mục dự án thu hút đầu tư hàng năm, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có).

2. Sở Tài chính:

a) Cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho doanh nghiệp thứ cấp đầu tư vào cụm công nghiệp theo quy định, đáp ứng yêu cầu về định hướng thu hút đầu tư trong cụm công nghiệp, điều kiện về môi trường, về tiết kiệm diện tích sử dụng đất, về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và tham mưu UBND tỉnh quyết định về các thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật đầu tư năm 2020;

b) Phối hợp với Sở Công Thương thực hiện các nội dung quy tại điểm b,d, đ khoản 1 Điều này.

c) Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh cân đối nguồn vốn đầu tư công để hỗ trợ đầu tư, phát triển hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp trên địa bàn;

d) Phối hợp với Sở Công Thương tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh cân đối từ nguồn chi thường xuyên của ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tổ chức thẩm định hồ sơ cho thuê đất, thực hiện ký hợp đồng thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp;

b) Tổ chức thẩm định hồ sơ cho thuê đất, thực hiện ký hợp đồng thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các tổ chức đầu tư sản xuất, kinh doanh thực hiện dự án trong cụm công nghiệp trên cơ sở đề xuất của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp;

c) Tham mưu, tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh cấp, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi và cấp lại Giấy phép khai thác tài nguyên nước và Giấy phép môi trường, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải; tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của các tổ chức đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

d) Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật của các cụm công nghiệp xả nước thải vào công trình thủy lợi theo quy định của Luật Thủy lợi (nếu có).

6. UBND cấp huyện:

a) Đề xuất xây dựng phương án phát triển, thành lập, mở rộng cụm công nghiệp trên địa bàn; hỗ trợ chủ đầu tư triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, quản lý hiệu quả các cụm công nghiệp trên địa bàn; tiếp nhận, giải quyết hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các thủ tục triển khai dự án đầu tư vào cụm công nghiệp;

b) Quyết định hỗ trợ hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền quyết định hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài cụm công nghiệp; phê duyệt, thực hiện kế hoạch di dời doanh nghiệp, cơ sở sản xuất vào cụm công nghiệp và hoạt động phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan giải quyết các tranh chấp về lao động, đình công trong các cụm công nghiệp trên địa bàn;

d) Cấp giấy phép xây dựng; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện theo giấy phép xây dựng và tình hình trật tự xây dựng; xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất trong cụm công nghiệp theo thẩm quyền;

đ) Quyết định cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ kinh doanh thực hiện dự án trong cụm công nghiệp trên cơ sở đề xuất của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo thẩm quyền.

e) Thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất, xử lý vi phạm pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và các quy định khác về cụm công nghiệp trên địa bàn cấp huyện theo thẩm quyền; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Sở Công Thương về tình hình cụm công nghiệp trên địa bàn.

g) Trong trường hợp cần thiết, ban hành quy chế phối hợp trong công tác quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn cấp huyện.

7. Các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được UBND tỉnh giao.

Điều 4. Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phát triển cụm công nghiệp

1. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị liên quan xây dựng, hoàn thành phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024; có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về phương án phát triển cụm công nghiệp.

2. Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng; UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp tham gia đóng góp ý kiến, gửi Sở Công Thương hoàn thiện dự thảo Phương án phát triển cụm công nghiệp để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch tỉnh xử lý, tích hợp phương án phát triển cụm công nghiệp vào quy hoạch tỉnh, lấy ý kiến đối với quy hoạch tỉnh (trong đó có phương án phát triển cụm công nghiệp) theo quy định của pháp luật về quy hoạch để hoàn thiện, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Nội dung quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh thể hiện phương án phát triển cụm công nghiệp có danh mục các cụm công nghiệp trong kỳ quy hoạch gồm tên gọi, địa điểm, quy mô diện tích cụm công nghiệp và nội dung khác (nếu có).

Điều 5. Điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp

1. UBND cấp huyện có văn bản đề xuất điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn (bao gồm việc điều chỉnh diện tích, bổ sung, bãi bỏ cụm công nghiệp rút khỏi phương án phát triển cụm công nghiệp), gửi Sở Công Thương.

2. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị liên quan xây dựng, hoàn thành báo cáo điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024; có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp.

3. Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan phối hợp tham gia đóng góp ý kiến, gửi Sở Công Thương hoàn thiện dự thảo điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp để xử lý, tích hợp điều chỉnh phương án vào Quy hoạch Tỉnh theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch tỉnh xử lý, tích hợp điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp vào điều chỉnh quy hoạch tỉnh, lấy ý kiến đối với điều chỉnh quy hoạch tỉnh (trong đó có điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp) theo quy định của pháp luật về quy hoạch để hoàn thiện, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

5. Nội dung quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tỉnh thể hiện điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp có danh mục các cụm công nghiệp trong kỳ quy hoạch gồm tên gọi, địa điểm, quy mô diện tích cụm công nghiệp và nội dung khác (nếu có).

Điều 6. Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

1. Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

a) Điều kiện thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP;

b) Hồ sơ đề nghị, trình tự, nội dung thẩm định và nội dung quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 9, 10, 11, 12 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP;

c) Thời hạn tiếp nhận, lập hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp:

Sau khi nhận được văn bản đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp của doanh nghiệp, hợp tác xã, UBND cấp huyện thông báo việc

tiếp nhận, thời gian lập hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương. Thời hạn nhận hồ sơ trong vòng 15 ngày kể từ ngày ra thông báo. Tiếp nhận, lập hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 10 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP.

d) Lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan:

a) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường; tổ chức thẩm định, báo cáo UBND tỉnh quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

c) Sở Tài chính: Thẩm định về tư cách pháp lý, năng lực tài chính của chủ đầu tư; định hướng, giải pháp thu hút đầu tư; ngành nghề, mục tiêu thu hút đầu tư; hiệu quả kinh tế - xã hội và các nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao; cơ cấu, khả năng cân đối và các giải pháp huy động các nguồn vốn đầu tư; nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư; chính sách ưu đãi (nếu có) đối với dự án của chủ đầu tư; chi phí liên quan và các nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý.

d) Sở Xây dựng: Thẩm định các nội dung về sự phù hợp quy hoạch xây dựng của dự án, tiêu chuẩn quy hoạch và các nội dung liên quan đến quản lý lĩnh vực quy hoạch; sơ bộ tổng mức đầu tư, khả năng đấu nối hạ tầng và các nội dung liên quan đến quản lý lĩnh vực xây dựng; Sự phù hợp của dự án về mức độ ảnh hưởng việc triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp đến Phương án phát triển mạng lưới giao thông, hiện trạng hạ tầng giao thông, khả năng đáp ứng giao thông bên trong và bên ngoài cụm công nghiệp khi dự án đi vào hoạt động (đấu nối, an toàn giao thông...) và các nội dung liên quan đến quản lý lĩnh vực giao thông vận tải;

đ) Sở Nông nghiệp và Môi trường: Thẩm định các nội dung về hiện trạng sử dụng đất, sự phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, phương án giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư (nếu có); các yêu cầu về môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường như: đánh giá hiện trạng môi trường, công tác quản lý môi trường, khả năng tiếp nhận chất thải xung quanh khu vực dự kiến thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; dự báo những nguồn thải, tác động môi trường của các ngành, nghề dự kiến thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp và phương án quản lý môi trường; các nội dung liên quan đến quản lý lĩnh vực tài nguyên và môi trường; sự phù hợp của dự án đối với các quy hoạch lĩnh vực nông nghiệp bao gồm cả đề điều, thủy lợi, đấu nối xả, thoát nước thải.

Điều 7. Điều chỉnh, bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

1. Điều chỉnh, bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

a) Trong quá trình triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm thực hiện thủ tục điều chỉnh, bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp đối với trường hợp việc điều chỉnh làm thay đổi nội dung quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp. Chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp báo cáo UBND cấp huyện; đối với trường hợp cụm công nghiệp không triển khai thực hiện theo quyết định thành lập, UBND cấp huyện lập hồ sơ báo cáo Sở Công Thương, phối hợp các cơ quan đơn vị có liên quan báo cáo UBND tỉnh bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

b) Trên cơ sở nội dung đề nghị điều chỉnh quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp của Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, UBND cấp huyện trình Sở Công Thương để chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành thẩm định nội dung đề nghị điều chỉnh theo quy định, báo cáo UBND tỉnh quyết định điều chỉnh thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

c) Nội dung tham gia ý kiến thẩm định cụ thể như sau:

- Sở Tài chính: Thẩm định khả năng đáp ứng tài chính của chủ đầu tư tại thời điểm đề nghị điều chỉnh quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; các nội dung đề nghị điều chỉnh liên quan đến lĩnh vực quản lý; khả năng đáp ứng các điều kiện, trình tự thủ tục điều chỉnh quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; thông tin của Chủ đầu tư (nếu có thay đổi); nội dung đề nghị điều chỉnh liên quan đến lĩnh vực quản lý;

- Sở Nông nghiệp và Môi trường: Tình hình sử dụng đất, chấp hành các quy định về đất đai, môi trường của chủ đầu tư; nội dung đề nghị điều chỉnh liên quan đến lĩnh vực quản lý;

- Sở Xây dựng: Điều kiện, trình tự thủ tục điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án; sự phù hợp của tổng mức đầu tư đề nghị điều chỉnh; các nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý;

- Công an tỉnh: Việc thực hiện các quy định về Phòng cháy chữa cháy theo Luật Phòng cháy và chữa cháy (sửa đổi, bổ sung năm 2013) và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 14/11/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy (sau đây viết tắt là Nghị định số 136/2020/NĐ-CP); Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy

định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy (hoặc quy định tại văn bản hiện hành khác khi có sửa đổi bổ sung thay thế).

2. Lựa chọn chủ đầu tư khác:

a) Đối với nội dung thay đổi chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong quyết định thành lập cụm công nghiệp thì việc đánh giá, lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP.

b) Đối với cụm công nghiệp do UBND cấp huyện, xã quản lý thì UBND tỉnh lựa chọn doanh nghiệp, hợp tác xã có đủ năng lực để quản lý, bảo trì và vận hành hạ tầng kỹ thuật của cụm công nghiệp. Kinh phí xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp từ ngân sách nhà nước không được tính vào giá cho thuê đất, giá sử dụng hạ tầng kỹ thuật chung của cụm công nghiệp; chi phí quản lý, sửa chữa, vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật được tính vào giá sử dụng hạ tầng kỹ thuật chung của cụm công nghiệp. Trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định nội dung này thì thực hiện theo pháp luật chuyên ngành.

Điều 8. Xử lý thành lập cụm công nghiệp có trong phương án phát triển cụm công nghiệp hình thành trước Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg

Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện và các Sở, ngành có liên quan tổ chức rà soát, hoàn thiện thủ tục thành lập cụm công nghiệp theo Nghị định số 32/2014/NĐ-CP đối với Cụm công nghiệp thuộc các trường hợp sau:

1. Cụm công nghiệp do doanh nghiệp làm chủ đầu tư có trong Phương án phát triển cụm công nghiệp thuộc Quy hoạch tỉnh hình thành trước Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg (gồm các cụm công nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật hoặc được phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng trước ngày 05 tháng 10 năm 2009, nằm trong Phương án phát triển cụm công nghiệp được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh được cấp thẩm quyền phê duyệt và có dự án đầu tư vào cụm công nghiệp trước ngày 05 tháng 10 năm 2009)

2. Nội dung Quyết định thành lập cụm công nghiệp đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP.

3. Việc đánh giá, lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 2 và khoản 2 Điều 13 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP.

4. Nếu có công trình hạ tầng kỹ thuật hình thành từ ngân sách nhà nước trong cụm công nghiệp thì xử lý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP.

Điều 9. Lập, phê duyệt, điều chỉnh Quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp

1. Nội dung, hồ sơ, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp được thực hiện theo quy định về quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng tại Luật Xây dựng (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Luật Quy hoạch, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ, Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ; Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng;

2. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp tổ chức lập quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp. Nội dung quy hoạch chi tiết xây dựng phải phù hợp với Báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, việc quy hoạch các phân khu chức năng được thực hiện theo phương châm tiết kiệm quỹ đất, nâng cao hiệu quả đầu tư cơ sở hạ tầng, phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế, xây dựng hiện hành, đảm bảo mật độ xây dựng nhà máy, xí nghiệp theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng (QCVN 01:2021/BXD); phải bố trí hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường đảm bảo yêu cầu theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; đảm bảo quy định tại Điều 10 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các quy định hiện hành;

3. Phương án quy hoạch chia lô đất xây dựng phải đáp ứng được nhu cầu sử dụng đất của các nhà đầu tư. Diện tích tối thiểu của lô đất xây dựng nhà máy, kho tàng là 1000 m²; diện tích tối thiểu của lô đất xây dựng nhà máy, kho tàng trong cụm công nghiệp làng nghề là 500m²;

4. Trong quá trình triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện thủ tục điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp đối với trường hợp việc điều chỉnh làm thay đổi nội dung quyết định phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp. Việc lập, thẩm định và trình duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng cụm công nghiệp thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành;

5. UBND cấp huyện tổ chức phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng, điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp trên địa bàn và kiểm tra việc tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng theo thẩm quyền và quy định pháp luật về đầu tư xây dựng. Trước khi phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng, điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp, UBND cấp huyện phải xin ý kiến bằng văn bản của Sở Xây dựng, Sở Công Thương, các cơ quan, đơn vị có liên quan và báo cáo UBND tỉnh.

Điều 10. Lập, phê duyệt, điều chỉnh, chấm dứt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Nội dung lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; đảm bảo quy định tại Điều 13, khoản 5 Điều 14 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và các quy định hiện hành.

2. Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp tổ chức lập, phê duyệt và thực hiện dự án đầu tư xây dựng; tổ chức lập, phê duyệt và thực hiện thiết kế xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp. Nội dung Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp phù hợp với nội dung Báo cáo đầu tư, mở rộng cụm công nghiệp, quy hoạch chi tiết xây dựng đã được phê duyệt.

3. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định.

4. Sở Công Thương và các Sở, ngành liên quan, Công an tỉnh, UBND cấp huyện có trách nhiệm cho ý kiến thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 11. Thực hiện các thủ tục về môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Nội dung, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp tổ chức lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. Nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án phù hợp với nội dung Báo cáo đầu tư, mở rộng cụm công nghiệp, quy hoạch chi tiết xây dựng đã được phê duyệt.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

Điều 12. Thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Hồ sơ, trình tự thủ tục thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Luật Đất đai 2024; Nghị

định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

2. UBND cấp huyện thực hiện các thủ tục liên quan đến công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư theo quy định của pháp luật. Chỉ đạo và tổ chức tuyên truyền vận động đến các tổ chức, cá nhân về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; thực hiện giải phóng mặt bằng theo quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; thành lập, chỉ đạo Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc đơn vị có chức năng, nhiệm vụ lập phương án (tổng thể và chi tiết) bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Chỉ đạo UBND cấp xã, cơ quan chuyên môn trực thuộc hỗ trợ thực hiện công tác thu hồi đất, thuê đất, đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư theo quy định của pháp luật.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn UBND cấp huyện và chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp về công tác thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng theo đúng quy định pháp luật về đất đai; tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và trình UBND tỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

4. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ xin thu hồi đất, giao đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của nhà nước và hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

5. Các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị mình.

Điều 13. Tiếp nhận và thực hiện các thủ tục về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường đối với các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp

1. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp chỉ được tiếp nhận dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp khi có đầy đủ công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, phù hợp với mục tiêu ngành nghề được phê duyệt theo quyết định thành lập cụm công nghiệp và đảm bảo theo quy định của Luật kinh doanh Bất động sản 2024.

2. Khi tiếp nhận doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh vào thuê đất đầu tư sản xuất kinh doanh, chủ đầu tư phải báo cáo UBND cấp huyện để xem xét phê duyệt danh sách, quy mô diện tích đất, ngành nghề sản xuất kinh doanh phù hợp.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục về đầu tư đối với các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư và quy định pháp luật có liên quan và báo cáo, xin ý kiến UBND cấp huyện trên địa bàn quản lý.

4. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư vào Cụm công nghiệp theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ; chủ trì thực hiện xác định công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư theo quy định của pháp luật

Điều 14. Quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích

1. Các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp gồm: Bảo vệ, giữ gìn an ninh trật tự; thông tin liên lạc; cấp nước, thoát nước; vệ sinh môi trường, xử lý nước thải, chất thải; phòng cháy, chữa cháy; duy tu, bảo dưỡng, khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ tiện ích khác.

2. Giá sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích được xác định trên nguyên tắc thỏa thuận thông qua hợp đồng ký kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp và chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp. Trường hợp không thỏa thuận được, chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm báo cáo UBND cấp huyện xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm tổ chức cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp; xây dựng, phê duyệt Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trên cơ sở ý kiến của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp, không trái quy định của pháp luật. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định phê duyệt Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích, chủ đầu tư có trách nhiệm gửi Sở Công Thương, UBND cấp huyện để theo dõi, quản lý.

4. Các doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ kinh doanh hoạt động trong cụm công nghiệp có trách nhiệm thỏa thuận, ký kết hợp đồng sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ công cộng, tiện ích chung đúng mục đích và thực hiện các nghĩa vụ đầy đủ theo quy định trong hợp đồng đã được ký kết.

5. Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp đảm bảo theo mẫu số 04 tại phụ lục II, Kèm theo Thông tư số 14/2024/TT-BCT ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Điều 15. Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh

1. Các nội dung quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh: Tình hình hoạt động của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp; tình hình hoạt động của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật

cụm công nghiệp.

2. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước:

a) Sở Công Thương: Theo dõi, cập nhật, tổng hợp về tình hình hoạt động của các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; phối hợp với các Sở, ngành và UBND cấp huyện tổ chức thanh tra, kiểm tra, đánh giá việc chấp hành các chính sách, pháp luật của Nhà nước và hiệu quả của các dự án sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp, xử lý theo thẩm quyền và tham mưu UBND tỉnh xử lý các hành vi vi phạm (nếu có); tổng hợp, báo cáo định kỳ theo quy định, báo cáo đột xuất gửi Bộ Công Thương và UBND tỉnh;

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, kiểm tra tình hình quản lý môi trường, sử dụng đất; xử lý theo thẩm quyền và tham mưu UBND tỉnh xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực môi trường, tài nguyên nước, đất đai (nếu có);

c) Sở Xây dựng: Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành về quy hoạch chi tiết xây dựng và tham mưu UBND tỉnh xử lý các hành vi vi phạm thuộc lĩnh vực quy hoạch (nếu có). Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành về giấy phép xây dựng công trình theo thẩm quyền, phân cấp; xử lý theo thẩm quyền và tham mưu UBND tỉnh xử lý các hành vi vi phạm thuộc lĩnh vực xây dựng trong trường hợp UBND cấp huyện không kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm theo thẩm quyền, phân cấp (nếu có);

d) Sở Nội vụ: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động; cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép lao động cho lao động là công dân nước ngoài vào làm việc trong các cụm công nghiệp theo quy định;

đ) Sở Tài chính: Theo dõi, kiểm tra và tổng hợp tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong các cụm công nghiệp.

e) Công an tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện công tác phòng cháy và chữa cháy của các cơ sở sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp, đặc biệt là việc thực hiện các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy trong quá trình đầu tư, xây dựng theo quy định tại Điều 11, Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP; hướng dẫn, yêu cầu người đứng đầu cơ quan, đơn vị kinh doanh hạ tầng thành lập đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở và trực tiếp duy trì hoạt động theo chế độ chuyên trách, riêng đối với cụm công nghiệp có diện tích từ 50ha trở lên thành lập đội phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành;

g) UBND cấp huyện: Chủ trì theo dõi, kiểm tra việc chấp hành về giấy phép xây dựng công trình theo quy định. Theo dõi, cập nhật về tình hình đầu tư xây dựng, sản

xuất kinh doanh; thanh tra, kiểm tra, đánh giá việc chấp hành các chính sách, pháp luật của Nhà nước; chỉ đạo tuyên truyền, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động, giải quyết tranh chấp lao động, đình công trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp; tổng hợp, báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất gửi UBND tỉnh, Sở Công Thương; xử lý theo thẩm quyền những hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong các cụm công nghiệp trên địa bàn quản lý và đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định trong trường hợp vượt thẩm quyền; chịu trách nhiệm toàn diện trong công tác quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình xây dựng trên địa bàn quản lý, bao gồm cả các công trình xây dựng trong các cụm công nghiệp theo quy định về phân cấp về quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp:

a) Triển khai đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp theo đúng các nội dung được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo quy định pháp luật hiện hành;

b) Thu hút đầu tư, hướng dẫn thủ tục triển khai các dự án đầu tư, di dời vào cụm công nghiệp; chỉ đưa cụm công nghiệp vào kinh doanh khi đáp ứng điều kiện theo quy định của Luật kinh doanh Bất động sản;

c) Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án bảo vệ môi trường theo quy định;

d) Không được mở rộng cụm công nghiệp, tiếp nhận thêm dự án đầu tư vào cụm công nghiệp trong trường hợp cụm công nghiệp chưa có công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; nộp các loại phí bảo vệ môi trường theo quy định;

đ) Bố trí ít nhất 01 cán bộ phụ trách bảo vệ môi trường có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: Quản lý môi trường; khoa học, công nghệ, kỹ thuật môi trường; hóa học; sinh học và được tập huấn định kỳ hàng năm về công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường;

e) Hướng dẫn các doanh nghiệp hoạt động trong cụm công nghiệp thực hiện tốt công tác phòng cháy và chữa cháy trong quá trình đầu tư xây dựng và trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định;

g) Tổng hợp, báo cáo kết quả quan trắc môi trường, công tác bảo vệ môi trường cụm công nghiệp của các cơ sở trong cụm công nghiệp gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

h) Đối với cụm công nghiệp có diện tích từ 50 ha trở lên, phải tổ chức thành lập Đội phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành;

i) Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Chủ đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP;

4. Trách nhiệm của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp:

a) Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh;

b) Thực hiện đầy đủ chế độ, nội dung báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

c) Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ Luật Lao động và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến người lao động, người sử dụng lao động;

d) Tham gia tích cực vào việc thu hút lao động, giải quyết việc làm tại địa phương, lập kế hoạch tuyển dụng lao động hàng năm và 05 (năm) năm đăng ký với Sở Nội vụ.

Điều 16. Công tác thông tin, báo cáo

1. Sở Công Thương thực hiện chế độ, nội dung báo cáo theo quy định Biểu mẫu 04, phụ lục I tại Thông tư số 14/2024/TT-BCT.

2. UBND cấp huyện thực hiện chế độ, nội dung báo cáo theo quy định tại Biểu mẫu 03, phụ lục I tại Thông tư số 14/2024/TT-BCT.

3. Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật thực hiện chấp hành nghiêm túc chế độ, nội dung báo cáo theo quy định Biểu mẫu 02, phụ lục I tại Thông tư số 14/2024/TT-BCT.

4. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thực hiện chấp hành nghiêm túc chế độ, nội dung báo cáo theo quy định Biểu mẫu 01, phụ lục I tại Thông tư số 14/2024/TT-BCT.

5. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp thực hiện chế độ báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại Điều 69, Điều 70 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng Quốc gia và Giám sát, đánh giá đầu tư; đồng thời gửi các cơ quan, đơn vị theo quy định tại Thông tư số 28/2020/TT-BCT.

6. Các Sở, ngành liên quan theo chức năng nhiệm vụ gửi báo cáo định kỳ, đột xuất và cung cấp thông tin về hoạt động của cụm công nghiệp theo quy định và gửi Sở Công Thương để theo dõi và tổng hợp chung.

7. Xử lý vi phạm chế độ báo cáo: Trường hợp vi phạm quy định về báo cáo thống kê, xem xét xử phạt hành chính trong lĩnh vực thống kê theo quy định tại khoản 5 Điều 19, khoản 4 Điều 23 và khoản 3 Điều 24 của Nghị định số 32/2024/NĐ-CP và Luật Thống kê.

Điều 17. Công tác thanh tra, kiểm tra**1. Nội dung thanh tra, kiểm tra:**

a) Thanh tra, kiểm tra đối với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh hoạt động trong cụm công nghiệp việc chấp hành pháp luật về đầu tư, xây dựng, sản xuất kinh doanh, bảo vệ môi trường; phòng cháy, chữa cháy và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật;

b) Thanh tra, kiểm tra việc sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước được hỗ trợ phục vụ phát triển cụm công nghiệp đúng theo quy định.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị:

a) Hàng năm, các Sở, ngành, UBND cấp huyện lập Kế hoạch và tổ chức kiểm tra việc triển khai công tác đầu tư hạ tầng kỹ thuật, thu hút đầu tư các dự án thứ cấp vào cụm công nghiệp của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; việc chấp hành chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp. Chủ trì đề xuất UBND tỉnh xử lý vi phạm theo quy định đối với các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp hoạt động kém hiệu quả, không triển khai hoặc triển khai chậm tiến độ, xin gia hạn nhiều lần, vi phạm pháp luật (nếu có);

b) Các cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra có trách nhiệm thường xuyên phối hợp với Sở Công Thương thực hiện công tác phòng ngừa, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong cụm công nghiệp; xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm theo chuyên ngành gửi Thanh tra tỉnh tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt để thực hiện theo nguyên tắc không quá một lần trong năm, trừ khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc các trường hợp cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ quy định tại Phụ lục II, Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/05/2024;

c) Khi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc khi có sự cố về môi trường, lao động, y tế, cháy nổ xảy ra thì cơ quan quản lý chuyên ngành và UBND cấp huyện ra quyết định thanh tra, kiểm tra đột xuất; kết thúc cuộc thanh tra, kiểm tra cơ quan chủ trì phải kịp thời báo cáo kết quả về UBND tỉnh, đồng thời thông báo cho Sở Công Thương và các cơ quan quản lý chuyên ngành có liên quan để phối hợp đôn đốc doanh nghiệp thực hiện.

Điều 18. Quản lý đối với cụm công nghiệp không có chủ đầu tư

1. UBND cấp huyện quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong cụm công nghiệp. Phòng Kinh tế/Kinh tế hạ tầng thuộc UBND cấp huyện là cơ quan đầu mối

có trách nhiệm tổng hợp, phối hợp với các phòng, ban thuộc UBND cấp huyện và UBND cấp xã giúp UBND cấp huyện quản lý các cụm công nghiệp trên địa bàn.

2. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp phải chấp hành quy định của pháp luật về: hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, chế độ báo cáo.... đồng thời, có trách nhiệm báo cáo định kỳ theo quy định và báo cáo đột xuất với Phòng Kinh tế/Kinh tế hạ tầng khi có yêu cầu.

3. Các cơ quan, đơn vị liên quan khi thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo thẩm quyền có trách nhiệm lấy ý kiến và thông báo kết quả với UBND cấp huyện để phối hợp quản lý.

Điều 19. Chuyển đổi cụm công nghiệp

1. Chuyển đổi cụm công nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật, phù hợp với lộ trình chuyển đổi trong Phương án phát triển cụm công nghiệp.

2. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu UBND tỉnh Quyết định thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi cụm công nghiệp. Thành phần Ban chỉ đạo chuyển đổi cụm công nghiệp gồm: Lãnh đạo UBND tỉnh, lãnh đạo các Sở, ngành có liên quan và Chủ tịch UBND cấp huyện (nơi có cụm công nghiệp thực hiện chuyển đổi).

3. Căn cứ kế hoạch chuyển đổi cụm công nghiệp (cụm công nghiệp đã được rút khỏi quy hoạch) theo Phương án phát triển cụm công nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, UBND cấp huyện lập Phương án chuyển đổi cụm công nghiệp, báo cáo Sở Công Thương đề nghị Ban chỉ đạo chuyển đổi cụm công nghiệp tỉnh xem xét, thẩm định trình UBND tỉnh quyết định.

4. Căn cứ quyết định phê duyệt Phương án chuyển đổi cụm công nghiệp, UBND cấp huyện tổ chức thực hiện.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định của pháp luật với UBND tỉnh và Bộ Công Thương.

2. Khi các văn bản được viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.